

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN ĐỨC LINH**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HN&GD-ST

Ngày 21 - 02 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Hạnh.

Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 524/2022/TLST-HN&GD, ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HN&GD, ngày 09 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1994;

- Bị đơn: Anh Lê Hải L, sinh năm 1991;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 68, đường MĐ, thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Hải L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2015, quyền số: 01/2015, đăng ký ngày 05/5/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; nên trong năm 2018 chị có đơn khởi kiện ly hôn đối với anh L tại Tòa án, nhưng do chị suy nghĩ vì con nên chị đã xin rút đơn để anh L thay đổi cách sống nhưng không có kết quả. Từ đó, chị xác định không còn yêu thương, quý trọng gì đối với anh L, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị L và anh L có 01 (một) con chung là Lê Hải L, sinh ngày 11/8/2015, con hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn thì chị có nguyện vọng nuôi con, chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Lê Hải L:*

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh L không có ý kiến, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L và anh Lê Hải L, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 19/12/2022 được ông Lê D, sinh năm 1968, là cha của anh Lê Hải L; cư trú tại: Số nhà 68, đường MĐ, thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cung cấp thông tin như sau: Ông D là cha ruột của anh Lê Hải L, sinh năm 1991. Hiện nay anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Số nhà 68, đường MĐ, thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay, anh L đang làm cơ khí tại Vũng Tàu ít khi về nhà nên vợ chồng anh chị sống xa cách đã nhiều năm nay. Chị L và anh L kết hôn vào năm 2015. Sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống chung với gia đình được một thời gian thì vợ chồng anh chị đi Vũng Tàu sinh sống. Đến năm 2021, anh chị về sinh sống cùng gia đình tại thôn 6, xã Mê Pu.

Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh L có phát sinh mâu thuẫn hay không thì ông D không rõ. Anh L có biết việc chị L làm đơn khởi kiện ly hôn nhưng

L không về. Chị L và anh L có 01 (một) con chung là Lê Hải L, sinh ngày 11/8/2015, con hiện nay đang sống với chị L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh L không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự, đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Trần Thị L ly hôn anh Lê Hải L.

Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Hải L hiện có 01 (một) con là Lê Hải L, sinh ngày 11/8/2015; xét thấy hiện nay con Long còn nhỏ và có nguyện vọng sống với chị L, theo nguyện vọng của chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Từ đó, nghĩ cần xem xét giao con L cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con theo chị L yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, là phù hợp với mức chi phí trung bình hiện nay tại địa phương, nghĩ nên buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 3/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Hải L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2015, quyền số: 01/2015, đăng ký ngày 05/5/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; nên trong năm 2018 chị có đơn khởi kiện ly hôn đối với anh L tại Tòa án, nhưng do chị suy nghĩ vì con nên chị đã xin rút đơn để anh L thay đổi cách sống nhưng không có kết quả. Từ đó, chị xác định không còn yêu thương, quý trọng gì đối với anh L, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị L ly hôn anh L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Hải L hiện có 01 (một) con là Lê Hải L, sinh ngày 11/8/2015. Nay tại phiên tòa, chị L và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con chung; tuy nhiên, xét thấy hiện nay con L còn nhỏ và có nguyện vọng sống với chị L, theo nguyện vọng của chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó, nghĩ cần xem xét giao con cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Nay, chị L yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, là phù hợp với mức chi phí trung bình hiện nay tại địa phương, nghĩ nên buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 3/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L ly hôn anh Lê Hải L.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lê Hải L, sinh ngày 11/8/2015.

Anh Lê Hải L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Hải L phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hải L cho chị Trần Thị L là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 3/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị Trần Thị L có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí DSST: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012645, ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Trần Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Hải L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Nộp án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (21/02/2023); để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Mê Pu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

